

Số: 61/2025/QĐST-LĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: bà Nguyễn Thị Thụy.

Thư ký phiên họp: bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 184/2025/TLST-VLĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 56/2025/QĐST-VLĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* anh Lê Tuấn A, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp Ô, xã L, tỉnh Cà Mau (trước đây là: ấp Ông T, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Lê Nguyễn S năm 2007; địa chỉ: ấp T, xã L, tỉnh Cà Mau (trước đây là: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau), vắng mặt.

+ Công ty TNHH K, địa chỉ: T, tổ A, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Nhất L; địa chỉ: ấp E, xã P, tỉnh Đồng Nai; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền không đề ngày), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở L1 – Bảo hiểm xã hội Thành phố H; địa chỉ: đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Tại đơn yêu cầu anh Lê Tuấn A trình bày:*

Từ tháng 10/2016 đến tháng 9/2023 anh Lê Tuấn A làm việc tại Công ty

TNHH K và có đóng bảo hiểm xã hội. Anh Lê Tuấn A tiến hành làm thủ tục điều chỉnh thông tin bảo hiểm thì bên cơ quan bảo hiểm rà soát và phát hiện bảo hiểm xã hội của anh bị trùng.

Lý do bị trùng bảo hiểm xã hội: do không hiểu biết pháp luật nên trước đây em họ của anh là Nguyễn Lê Nguyễn C đủ 18 tuổi, không đủ điều kiện để ứng tuyển lao động. Cho nên, anh cho anh Nguyễn M thông tin cá nhân để làm hồ sơ lao động và giao kết hợp đồng lao động với công ty TNHH K khoảng từ thời gian 5/2022 đến tháng 8/2022, có tham gia bảo hiểm xã hội. Trong thời gian này thì anh đang làm việc tại Công ty TNHH K.

Vì vậy, nay anh Lê Tuấn A yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động của Lê Tuấn A (thực tế là Nguyễn Lê Nguyễn làm V) với Công ty TNHH K vô hiệu. Không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- Tại văn bản trình bày ý kiến người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH K là ông Nguyễn Nhất L trình bày:

Sau khi kiểm tra dữ liệu của Công ty, vào khoảng tháng 5/2022 công ty có giao kết hợp đồng lao động với ông Lê Tuấn A, có tham gia BHXH. Đến tháng 8/2022 công ty phát hiện hồ sơ lao động của ông Tuấn A không đúng người nên công ty đã cho nghỉ việc từ tháng 8/2022. Việc lừa dối dẫn đến ký kết hợp đồng lao động giữa công ty với ông Lê Tuấn A là hoàn toàn do lỗi của người lao động. Nay trước yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu của ông Lê Tuấn A thì công ty Đ và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Lê Nguyễn :

Tòa án đã triệu tập nhưng anh Nguyễn vắng M1 và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh Tuấn A, và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

- Tại công văn số 215/CV-BHXH ngày 15/8/2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH K cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho ông Lê Tuấn A, sinh năm 1997, số CMND 381850964, số CCCD 096097010807, với mã số BHXH 7423878041 từ tháng 5/2022 đến tháng 8/2022 chưa nhận trợ cấp BHXH một lần. Ngoài ra, ông Lê Tuấn A còn tham gia BHXH với mã số 7516145532 được công ty TNHH K tham gia. Đối với yêu cầu của đương sự đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét đơn yêu cầu: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ việc dân sự đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tại phiên họp đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Việc chấp hành pháp

luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: yêu cầu của anh Lê Tuấn A là có căn cứ, đề nghị Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: người yêu cầu giải quyết việc lao động và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp đồng thời có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Lê Nguyễn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian từ tháng 5/2022 đến tháng 8/2022, người lao động tên Lê Tuấn A giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH K và được Công ty TNHH K, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7423878041. Tuy nhiên, anh Lê Tuấn A xác định người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH K và thực tế làm việc tại công ty T1 khoảng thời gian từ tháng 5/2022 đến tháng 8/2022 là anh Nguyễn Lê N (do anh Tuấn A cho anh Nguyễn M giấy tờ tùy thân). Đồng thời, công ty TNHH K cũng xác định sau khi phát hiện ra người lao động Lê Tuấn A thực tế làm việc không phải là người đứng tên trên giấy tờ nên đã cho nghỉ việc.

Xét thấy, lời khai của các đương sự hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở L1. Bởi lẽ, trong khoảng thời gian từ tháng 5/2022 đến tháng 8/2022, anh Tuấn A đang làm việc tại Công ty TNHH K, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số 7516145532. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH K trong khoảng thời gian tháng 5/2022 đến tháng 8/2022 là anh Nguyễn Lê N, không phải là anh Lê Tuấn A.

Theo khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: “*Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực*”. Theo khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*”. Theo điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “*Người giao kết hợp đồng lao động không được xâm phạm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này*”. Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L2 thì: “...*Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người*

khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...”. Do đó, có cơ sở xác định việc anh Nguyễn M hồ sơ cá nhân của anh Tuấn A để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ BHXH số 7423878041 từ tháng 05/2022 đến tháng 8/2022 tại Công ty TNHH K là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[2.2] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh Lê Tuấn A về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa anh Lê Tuấn A với Công ty TNHH K theo sổ bảo hiểm xã hội số 7423878041 bị vô hiệu.

[2.3] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”, đương sự có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại s

ổ bảo hiểm xã hội mã số 7423878041.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: anh Lê Tuấn A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019; căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của anh Lê Tuấn A.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa anh Lê Tuấn A với Công ty TNHH K (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7423878041) bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: anh Lê Tuấn A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0006269 ngày 30/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu :VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thụy